TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐỐP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **27**/2018/HSST
Ngày: 23/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐỐP TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Ông: Hoàng Nc Bân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Điểu Nen
Ông: Lê Cảnh Phúc

- ***Thư ký phiên tòa*:** ông Nông Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Lâm Hiếu – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2018/HSST ngày 13 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 09/05/2018 ngày 09 tháng 5 năm 2018; Đối với các bị cáo:

1. LÊ VĂN N – Sinh năm: 1990; HKTT: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 05/12; con ông Lê Quang K, sinh năm: 1964 và bà Trần Thị M; bị cáo có 03 anh em (lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2001); bị cáo chưa có vợ; tiền án: Ngày 20/01/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 06/2017/HSST ngày 20/01/2017; tiền sự: Ngày 14/10/2016 bị Công an huyện Bù Đốp xử phạt hành chính 5.000.000đồng về hành vi "Kinh doanh không có giấy phép"; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2017 cho đến nay *(có mặt)*.

2. LƯƠNG VIẾT T; Tên gọi khác: **Nghé -** Sinh năm: 1998; HKTT: Thôn 02, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 06/12; con ông Lương Viết K (đã chết) và bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1975; bị cáo có 01 người anh sinh năm 1994; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Ngày 01/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp xử phát 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 21/2016/HSST ngày 01/6/2016; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2018 cho đến nay*(có mặt)*

- *Bị hại:* Điểu Thị Trung N, sinh năm: 1989; địa chỉ: ấp 02, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. NQL1, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp 02, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước *(vắng mặt)*

2. NQL2, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp 06, T, Thị xã Đ, tỉnh Bình Phước *(vắng mặt)*.

Vụ án được xét xử công khai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 24/12/2017 Lê Văn N đến phòng trọ số 06 của khu nhà trọ do chị Điểu Thị Trung N làm chủ để chơi với Lương Viết T. Tại đây, phát hiện bà N đi vắng, không có ai trông coi nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán kiếm tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định của mình, N rủ T cùng đi lấy trộm tài sản trong nhà chị N, N chuẩn bị 01 cái tua vít trong phòng trọ của T mang theo người. Khi thấy cửa trước nhà chị N đã khóa, N và T đi ra cửa sau. T đứng cảnh giới còn N dùng tua vít để tháo ốc vít, gỡ tôn ở cửa sau ra, sau đó dùng tay mở chốt cửa. N một mình đi vào trong nhà chị N, phát hiện trong nhà có 01 điện thoại di động hiệu Microsoft; 01 máy tính bảng hiệu LV Mobile; 01 máy tính xách tay hiệu Dell, N liền cho tất cả tài sản trên vào 01 túi xách để mang ra ngoài, đồng thời chốt cửa và dùng tô vít vặn ốc vít lại như cũ. Sau đó, N và T mang tài sản lấy trộm được về phòng trọ của T rồi gọi điện thoại cho bạn là NQL1 đến chở N và T xuống thị trấn B chơi bắn cá điện tử. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, biết được cơ quan công an đang điều tra vụ trộm nên N và T đã giấu tài sản trộm được tại bụi chuối ở khu vực đồi chi khu thuộc ấp 3, xã T, huyện B.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/2018/HĐ-ĐGTSTTTHS ngày 28/12/2017 của Hội đồng định giá huyện Bù Đốp, Bình Phước xác định: 01 Điện thoại di động hiệu Microsoft giá 1.680.000đ (một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng); 01 máy tính bảng hiệu LV Mobile LV117 trị giá 1.103.200đ (một triệu một trăm linh ba nghìn hai trăm đồng); 01 máy tính xách tay hiêu Dell trị giá 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản là: 6.283.200đ(sáu triệu hai trăm tám mươi ba nghìn hai trăm đồng)

Cáo trạng số 22/CT-VKS-BĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp truy tố bị cáo Lê Văn N, Lương Viết T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, nay là khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn N, Lương Viết T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, nay là khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 nay là điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo N từ 21(hai mươi mốt) đến 24(hai mươi bốn) tháng tù, bị cáo T từ 15(mười lăm) đến 18(mười tám) tháng tù.

Về vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Microsoft, 01 máy tính bảng hiệu LV Mibile, 01 máy tính xách tay hiệu Dell, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà N, nên không đề cập xử lý; đối với 01 tô vít, cán bằng nhựa, mũi bằng sắt dài 29cm là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, xét tài sản không còn giá trị sử dụng, đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên không đề cập giải quyết.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là đúng, các bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Bù Đốp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; bị hại cũng không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 09 giờ ngày 24/12/2017 Lê Văn N đến phòng trọ số 06 của khu nhà trọ do chị Điểu Thị Trung N làm chủ để chơi với Lương Viết T. Tại đây, phát hiện bà N đi vắng, không có ai trông coi nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán kiếm tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định của mình, N rủ T cùng đi lấy trộm tài sản trong nhà chị N, N chuẩn bị 01 cái tua vít trong phòng trọ của T mang theo người. Khi thấy cửa trước nhà chị N đã khóa, N và T đi ra cửa sau. T đứng cảnh giới còn N dùng tua vít để tháo ốc vít, gỡ tôn ở cửa sau ra, sau đó dùng tay mở chốt cửa. N một mình đi vào trong nhà chị N, phát hiện trong nhà có 01 điện thoại di động hiệu Microsoft; 01 máy tính bảng hiệu LV Mobile; 01 máy tính xách tay hiệu Dell, N liền cho tất cả tài sản trên vào 01 túi xách để mang ra ngoài, đồng thời chốt cửa và dùng tô vít vặn ốc vít lại như cũ. Sau đó, N và T mang tài sản lấy trộm được về phòng trọ của T rồi gọi điện thoại cho bạn là NQL1 đến chở N và T xuống thị trấn B chơi bắn cá điện tử. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, biết được cơ quan công an đang điều tra vụ trộm nên N và T đã giấu tài sản trộm được tại bụi chuối ở khu vực đồi chi khu thuộc ấp 3, xã T, huyện B. Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Bù Đốp kết luận tổng giá trị tài sản mà Lê Văn N và Lương Viết T đã chiếm đoạt của bà N là: 6.283.200đ(sáu triệu hai trăm tám mươi ba nghìn hai trăm đồng).

Tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

"1- Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

Nay là khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Lê Văn N, Lương Viết T nhận thức rõ hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đi vắng không có ở nhà, lén lút cậy cửa vào nhà chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, như vì bản chất lười lao động muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Căn cứ tinh thần Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13. Cần áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng số: 22/CT-VKS-BĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018

của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp đã truy tố các bị cáo là đúng hành vi, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo N là người khởi xướng và là người thực hành tích cực nhất, bị cáo T là người giúp sức, giữ vai trò cảnh giới cho N. Vai trò của N cao hơn T. Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cần xử phạt các bị cáo với mức án thật nghiêm tương ứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng xét.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án số 06/2017/HSST ngày 20/01/2017, bị cáo N bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 01/9/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù (bị cáo được xét giảm án), bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp xử phát 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tại bản án số 21/2016/HSST ngày 01/6/2016, đến ngày 28/4/2017 bị cáo chấp hành xong, cả hai bị cáo đều chưa được xóa án tích, lần phạm tội này các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 nay là điêm h khoảng 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tự nguyện khai báo mang tài sản trả lại cho bị hại; hành vi phạm tội của các bị cáo gây thiệt hại không lớn, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, HĐXX cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân không tốt, đều đã bị Tòa án kết án, mặc dù đã chấp hành xong nhưng chưa được xóa án tích, các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội, bị cáo N bị Công an huyện Bù Đốp xử phạt hành chính 5.000.000đ (năm triệu đồng) về hành vi "Kinh doanh không có giấy phép" vào ngày 14/10/2016, bị cáo chưa chấp hành, đây là những tình tiết HĐXX cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] Xét đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng như các bị cáo tự nguyện khai báo mang tài sản trả lại cho người bị hại, hành vi phạm tội của các bị cáo gây thiệt hại không lớn, cần xử phạt các bị cáo mức án thấp hơn đề xuất của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, HĐXX không đề cập giải quyết.

[9] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều trả đã trả lại cho chị N 01 điện thoại di động hiệu Microsoft, 01 máy tính bảng hiệu LV Mobile, 01 máy tính xách tay hiệu Dell là có căn cứ; về 01 tô vít cán bằng nhựa mũi bằng kim loại dài 29cm là tài sản các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, tua vít hiện không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: các bị cáo **Lê Văn N, Lương Viết T** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015(được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt Lê Văn N **12(mười hai)** tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt Lương Viết T **10(mười)** tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[2] Vật chứng: Áp dụng điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015(được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng năm 2015;

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 tô vít cán bằng nhựa, mũi bằng sắt dài 29cm.

[3] Án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- THADS huyện Bù Đốp;
- CQCSĐT CA huyện Bù Đốp;
- CQ THAHS CA huyện Bù Đốp;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Ngọc Bân